

Giới và kinh tế học (dưới góc độ một số lý thuyết về giới)

Ngày nay, sự giao thoa trong các ngành khoa học trở nên rõ ràng và cần thiết hơn bao giờ hết. Khó có thể hình dung được rằng những nghiên cứu về nguồn nhân lực, về tổng cầu, về marketing... trong kinh tế học lại có thể bỏ qua những kết quả nghiên cứu xã hội học về *giới tính* (sexual) và *giới* (gender). Người ta dễ dàng tìm thấy ngày càng nhiều những dữ liệu về giới tính và giới trong bất kỳ cuốn thống kê nào. *Giới tính* là khái niệm dùng để chỉ những khác biệt về sinh học của nam và nữ, trong khi đó *giới* là khái niệm dùng để chỉ những đặc điểm của nam và nữ trong đời sống xã hội (kinh tế, xã hội, văn hóa, tâm lý...). Từ đây người ta có thể kể ra nhiều đặc trưng, nhiều khác biệt giữa hai khái niệm này.

Trước đây người ta lấy sự khác biệt về giới tính để giải thích cho sự khác biệt về giới. Những nhà nữ quyền đã cực lực bác bỏ lối giải thích này. Về cơ bản họ có lý, song họ cũng đã rơi vào cực đoan khi phủ nhận hoàn toàn sự tác động của các yếu tố giới tính đến những hành vi xã hội, trong đó hành vi cơ bản là hoạt động lao động sản xuất, của nam và nữ. Có thể thấy rõ sự tác động này khi nghiên cứu về sử dụng nguồn nhân lực trong kinh tế học.

Nghiên cứu về giới dường như đang là một thời thượng! Người ta có thể tìm thấy nhan nhản các lý thuyết về nó. Thế nhưng không ít các lý thuyết đó thực chất là sự "vay mượn" các khái niệm của các ngành khoa học xã hội như: xã hội học, tâm lý học, dân tộc học... để giải thích cho những khác biệt về giới của nam và nữ trong xã hội. Cho đến nay chưa thấy có một lý thuyết/học thuyết nào riêng rẽ, độc lập tương đối hoàn chỉnh về giới cả. Nói như vậy không phải là

vô vọng. Trong khi đi tìm lời giải về vai trò giới trong mọi xã hội, có sử dụng những khái niệm và những kết quả của một số ngành khoa học khác thì những nghiên cứu có giá trị về giới chủ yếu dựa vào những lý thuyết về xã hội học. Dường như khoa học về giới còn quá non trẻ, và quan trọng hơn, dường như nó là một nhánh của xã hội học, nảy mầm từ ngành khoa học này, đang muốn vươn ra thành một ngành khoa học độc lập. Trong những lý thuyết ấy có một số lý thuyết xã hội học về giới, ít nhiều có liên quan đến kinh tế chính trị học, nổi lên ba thuyết sau.

• Thuyết chức năng cấu trúc

Thuyết này cho rằng xã hội là một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất, gồm những bộ phận cấu thành tương tác lẫn nhau. Hệ thống này có xu hướng ổn định hoặc tiến tới ổn định do có tác động của cơ chế nội tại của nó. Cơ chế này tự điều chỉnh những sự vận động không bình thường của các thành tố của hệ thống một khi bản thân những thành tố đó không tự khắc phục được những động thái bất thường của chúng. Những sự điều chỉnh này diễn ra từ từ, mang tính cải lương nhiều hơn là cách mạng. Tính cải lương hướng tới sự cân bằng, và là xu thế chủ đạo. Xung đột (cách mạng) chỉ là nhất thời, không mang đến sự sụp đổ của hệ thống. Những người tiêu biểu cho thuyết này là Parsons, Bales, Marwell.

Vận dụng vào nghiên cứu về giới, vai trò của giới, thuyết chức năng cho rằng, ngay từ xã hội cổ đại phụ thuộc vào săn bắn và hái lượm, nam giới và phụ nữ đã có những vai trò, nhiệm vụ khác nhau. Kiếm ăn và duy trì nòi giống là hai giá trị thiêng liêng nhất

của xã hội. Mang thai, sinh đẻ, tiếp đó là nuôi dưỡng con cái vốn là thiên chức của phụ nữ. Những hoạt động khác của người phụ nữ phải được xếp sau hoạt động trên đây. Những hoạt động còn lại của người phụ nữ do vậy cũng diễn ra gần nhà.

Săn bắn, tìm kiếm lương thực là hoạt động thứ nhất của đàn ông. Phụ nữ do đó bị lệ thuộc vào đàn ông bởi nguồn lương thực và an ninh.

Thuyết chức năng cho rằng, một khi đã được định hình, sự phân công lao động này xuyên suốt đến tất cả các xã hội về sau này. Phân tầng giới là tất yếu do sự khác biệt về giới tính, điều này được xem như một nguyên tắc. Nói cách khác, *phân công lao động phải được đặt trên nền tảng giới*.

Theo thuyết này, ngay cả trong gia đình hiện đại thì nguyên tắc này cũng có chỗ đứng của nó. Trong gia đình, người chồng - cha giữ *vai trò trụ cột* (đảm bảo điều kiện vật chất cho gia đình, liên kết gia đình với xã hội). Trong khi đó người vợ - mẹ đảm trách *vai trò tình cảm* (gắn kết các quan hệ trong gia đình, trợ giúp tình cảm, chăm sóc các thành viên, đảm bảo cho gia đình vận hành êm ả...). Những sự mất cân bằng trong hoạt động của gia đình là có thật, nhưng đó chỉ là nhất thời, người ta có thể khắc phục được thậm chí có thể tránh được nếu vai trò giới truyền thống được tôn trọng ngay từ giai đoạn đầu của xây dựng gia đình. Cũng theo thuyết này thì trong xã hội hiện đại người ta càng coi trọng trẻ em. Theo đó, người mẹ có vai trò đặc biệt quan trọng trong giáo dục con cái trong gia đình. Người ta có thể nhận thấy điều này trong xã hội Nhật Bản từ sau Thế chiến II. Hệ thống phân công lao động xã hội, đi liền với nó là thể chế kinh tế của Chính phủ hướng ưu tiên cho người mẹ có điều kiện chăm lo con cái, gia đình. Chẳng hạn, có thể thấy rõ điều này ở chính sách thuế thu nhập cá nhân. Chính sách này khuyến khích người mẹ ở nhà chăm sóc con cái, gia đình hơn là tham gia các công việc mưu sinh ngoài xã hội.

Những người phê phán thuyết này thì cho rằng đây là thuyết có xu hướng bảo thủ. Nó không bao quát được sự đa dạng của gia đình hiện tồn. Thuyết chức năng có thể giải thích được làm thế nào mà phân công lao động được đặt trên nền giới nhưng nó khó có thể giải thích được sự phân tán hiện nay của các loại hình gia đình cũng như vai trò của hôn nhân. Họ cũng chỉ ra bối cảnh ra đời của thuyết này, đó là sau Thế chiến II, một mội sau chiến tranh, người ta có xu hướng muốn quay lại theo đuổi những giá trị gia đình kiểu truyền thống.

• Thuyết xung đột

Thực chất thuyết này có gốc gác từ học thuyết đấu tranh giai cấp bắt đầu từ Waydermayer, được C. Mác phát triển lên. Theo ông, trong xã hội loài người có giai cấp luôn luôn tồn tại những cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn người nhằm giành giật việc kiểm soát các tư liệu sản xuất và phân phối các nguồn lực. Ph.Ăngghen trong tác phẩm "Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước" đã áp dụng giả thuyết này vào phân tích gia đình. Với giả thuyết ai nắm được tư liệu sản xuất, phân phối nguồn lực kẻ đó giữ vai trò thống trị người khác, hình thành nên quan hệ bóc lột - bị bóc lột vận dụng vào gia đình thì hiển nhiên là người chồng giữ địa vị thống trị trong gia đình từ khi chế độ tư hữu ra đời do chỗ nam giới có lợi thế kinh tế hơn nữ giới. Từ đó trong trào lưu chung của việc giải phóng, chống lại mọi áp bức bất công của xã hội, sứ mệnh giải phóng phụ nữ chỉ có thể diễn ra khi người phụ nữ tham gia vào quá trình tái sản xuất xã hội. Trong gia đình, theo Ăngghen, chỉ khi nào người phụ nữ không bị ràng buộc vào vai trò nội trợ thì mới chấm dứt được vai trò thống trị của đàn ông đối với phụ nữ. Rộng ra, việc giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, theo học thuyết Mác, chỉ có thể thực hiện triệt để cùng với việc thủ tiêu xã hội có giai cấp.

Sau này, những nhà lý luận theo thuyết xung đột hiện đại như Dahrendt, Collin còn mở rộng phạm vi của vấn đề ra hơn nữa. Họ cho rằng xung đột còn diễn ra cả ở quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa các nhóm tuổi khác nhau, giữa chủng tộc thiểu số và đa số, giữa những người tàn tật và không tàn tật, giữa bác sĩ và bệnh nhân... Danh sách của những nhóm xung đột này có thể mở rộng ra mãi!

Smelser đã hệ thống lại những nội dung của thuyết xung đột là: *một là*, xã hội luôn thay đổi bởi xung đột và áp bức; *hai là*, cấu trúc xã hội dựa trên nền tảng thống trị của một hoặc một vài nhóm xã hội người; *ba là*, mỗi nhóm xã hội người có những lợi ích chung cho dù thành viên của nhóm có nhận ra được điều đó hay không; *bốn là*, một khi nhận ra được lợi ích chung người ta có thể tập hợp thành các tập đoàn người, thành giai cấp; *năm là*, cường độ của những xung đột xã hội tùy thuộc vào các điều kiện chính trị và xã hội.

Đặc biệt lý thuyết xung đột còn được Hacker thể hiện trong những công trình nghiên cứu của bà về phụ nữ. Hacker cho rằng có sự tương đồng rõ rệt giữa những nhóm chủng tộc thiểu số với phụ nữ trong xã hội. Tương tự như những chủng tộc thiểu số, vị trí của phụ nữ chỉ là ở ngoài rìa xã hội.

Như thế, bắt nguồn từ học thuyết đấu tranh giai cấp, Thuyết xung đột đã mở rộng, đi xa hơn khỏi nguồn của nó rất nhiều. Bất bình đẳng giới không chỉ bó hẹp, phụ thuộc vào nội dung giai cấp, đấu tranh giai cấp đơn thuần.

• Thuyết tương tác biểu trưng

Tương tác biểu trưng còn được gọi là ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Khác với hai thuyết trên, Thuyết tương tác biểu trưng tiếp cận vai trò giới từ khung phân tích tâm lý xã hội hẹp hơn. Thuyết này dựa trên tiền đề cơ bản là xã hội được xây dựng và duy trì dựa trên những tương tác giữa các thành viên với nhau và các thành viên đều cùng công nhận với nhau là những quan hệ ấy, những tương

tác ấy là có thực. Để đi đến chỗ cùng công nhận được với nhau thì cần có quá trình tương lượng. Theo thuyết này thì quá trình này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Quá trình này được W.I. Thomas trình bày trong một tác phẩm của mình, sau này được gọi là "định lý Thomas". Định lý này được phát biểu như sau: một tình trạng được xác định là có thực trong các kết quả của nó. Định lý này được G.H. Mead phát triển ứng dụng vào các quan hệ ứng xử giữa người với người trong xã hội. Đó là những quan hệ tương tác được hình thành bằng cách kết cấu hóa và mô hình hóa: loài người cần thống nhất với nhau về ý nghĩa của những biểu trưng chung như ngôn ngữ, chữ viết, cử chỉ và những biểu tượng khác. Những thành viên của một nhóm này đáp lại những thành viên nhóm khác trên nền tảng của một cách thức ứng xử đã được định hình và mong đợi. Chính vì thế trong ứng xử, con người sẽ phải lựa chọn những phương án cụ thể, thích ứng với những tình huống cụ thể thay vì phản ứng tự phát. Nói vậy không có nghĩa là trong ứng xử không có chỗ cho những hành vi tự phát, tuy nhiên đó không phải là chủ lưu trong dòng ứng xử của người, nhóm người trong xã hội.

Phân tích nghệ thuật kịch là cách thức được ưa thích để minh chứng cho thuyết này, trong đó có cả việc vận dụng thuyết này vào vấn đề giới. E. Goffman cho rằng, nghệ thuật của kịch là ở chỗ muốn tạo ra được một ấn tượng nào đó người ta phải hóa thân thành những vai trò khác nhau, đóng/trình diễn được những vai khác nhau đó. Trong những vở kịch khác nhau, diễn viên đóng những vai không giống nhau. Ngoài xã hội cũng vậy. Những cuộc gặp gỡ là những cuộc trình diễn trong đó bao gồm cả việc dàn cảnh sao cho truyền tải được tối đa những ấn tượng nhằm tối đa hóa được mục đích của thành viên.

Vận dụng thuyết này vào tình huống cụ thể là quan sát quán bar dành cho những người chưa có gia đình, những người chủ

trương thuyết tương tác biểu trưng nhận thấy rõ vai trò của giới tính và giới trong “vở kịch” này. Tương tác trong một mô hình có thể hiểu được nhau, cả nam và nữ đều “săn đuổi” bạn tình nhưng nam giới thường đi đầu trong cuộc chơi, có những động thái đầu tiên. Nam giới thường đi một mình trong khi nữ giới hay đi cùng bạn nữ khác. Người nữ cần nhận biết được những tín hiệu của người đàn ông và sẽ đáp trả lại bằng cách tỏ thái độ phản đối hay chấp nhận. Người nữ, nếu chấp nhận thì còn phải tìm cách ứng xử với bạn nữ của mình sao cho vừa rút lui được trong nhóm bạn nữ, vừa không làm cho họ mất lòng. Đó là một chuỗi tiến trình thương lượng, chọn lựa, thể hiện. Trong bối cảnh như vậy thì rõ

ràng giới tính là một trong những thành tố chủ yếu của tương tác giữa những thành viên câu lạc bộ.

Với những gì diễn ra trong quán bar trong ví dụ nêu trên thì trong hoạt động kinh tế cũng diễn ra tương tự trên thị trường lao động. Chỉ có một điều khác cơ bản là bài học cần được rút ra ở đây đối với lao động nữ là cũng như lao động nam, lao động nữ cũng cần giữ vai trò chủ động trong các cuộc phỏng vấn thuê mướn lao động thay vì thái độ thụ động thường thấy của giới nữ.

Sau đây là tóm tắt ba mô hình lý thuyết chủ đạo trong xã hội học dùng để giải thích vai trò giới, theo Linda N. Lindsey:

Mô hình lý thuyết	Hình ảnh xã hội	Câu hỏi minh họa
Chức năng cấu trúc	Một hệ thống tương đối ổn định gồm những phần có liên quan với nhau; mỗi phần có hệ quả chức năng của sự vận hành của xã hội về tổng thể.	Xã hội được hợp nhất như thế nào? Cái gì là phần chính của xã hội? Những phần đó liên hệ với nhau như thế nào? Kết quả của mỗi phần là cái gì trong sự vận hành của xã hội.
Xung đột xã hội	Một hệ thống đặc điểm hóa bởi sự bất bình đẳng xã hội: mọi phần của xã hội được hưởng lợi ích từ một mục nào đó nhiều hơn những người khác; sự bất bình đẳng xã hội dựa trên xung đột khuyến khích xã hội thay đổi.	Xã hội được phân chia như thế nào? Hình mẫu chính của bất bình đẳng xã hội là cái gì? Một hạng mục người cố gắng bảo vệ những đặc quyền như thế nào? Các hạng mục người khác cố gắng cải thiện vị trí xã hội của họ ra sao?
Tương tác biểu trưng	Một tiến trình đang diễn ra của tương tác xã hội trong một khung cảnh cụ thể dựa trên những giao tiếp biểu trưng; mọi sự nhận thức cá nhân về thực tại đều sẵn có và luôn thay đổi.	Xã hội đã trải nghiệm như thế nào? Loài người đã như thế nào trong hình mẫu này sinh tương tác, duy trì và thay đổi các hình mẫu xã hội như thế nào? Cá nhân cố gắng định hình để được nhận thức một cách thực tế bởi người khác như thế nào? Những ứng xử của cá nhân thay đổi như thế nào trong quá trình chuyển từ vị trí này sang vị trí khác?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Linda L.Lindsey. 1990. "Gender Roles. A Sociological Perspective". Engewood Cliffs, New Jersey.
- Collins, Randall. 1975. Conflict Sociology. New York: Academic Press.
- Laws, Judith Long. 1979. The second X : Sex Role and Social Role. New York: Elsevier North Holland.

Lê Phương Thành
Viện Nghiên cứu gia đình và giới

trường thuyết tương tác biểu trưng nhận thấy rõ vai trò của giới tính và giới trong “vở kịch” này. Tương tác trong một mô hình có thể hiểu được nhau, cả nam và nữ đều “săn đuổi” bạn tình nhưng nam giới thường đi đầu trong cuộc chơi, có những động thái đầu tiên. Nam giới thường đi một mình trong khi nữ giới hay đi cùng bạn nữ khác. Người nữ cần nhận biết được những tín hiệu của người đàn ông và sẽ đáp trả lại bằng cách tỏ thái độ phản đối hay chấp nhận. Người nữ, nếu chấp nhận thì còn phải tìm cách ứng xử với bạn nữ của mình sao cho vừa rút lui được trong nhóm bạn nữ, vừa không làm cho họ mất lòng. Đó là một chuỗi tiến trình thương lượng, chọn lựa, thể hiện. Trong bối cảnh như vậy thì rõ

ràng giới tính là một trong những thành tố chủ yếu của tương tác giữa những thành viên câu lạc bộ.

Với những gì diễn ra trong quán bar trong ví dụ nêu trên thì trong hoạt động kinh tế cũng diễn ra tương tự trên thị trường lao động. Chỉ có một điều khác cơ bản là bài học cần được rút ra ở đây đối với lao động nữ là cũng như lao động nam, lao động nữ cũng cần giữ vai trò chủ động trong các cuộc phỏng vấn thuê mướn lao động thay vì thái độ thụ động thường thấy của giới nữ.

Sau đây là tóm tắt ba mô hình lý thuyết chủ đạo trong xã hội học dùng để giải thích vai trò giới, theo Linda N. Lindsey:

Mô hình lý thuyết	Hình ảnh xã hội	Câu hỏi minh họa
Chức năng cấu trúc	Một hệ thống tương đối ổn định gồm những phần có liên quan với nhau; mỗi phần có hệ quả chức năng của sự vận hành của xã hội về tổng thể.	Xã hội được hợp nhất như thế nào? Cái gì là phần chính của xã hội? Những phần đó liên hệ với nhau như thế nào? Kết quả của mỗi phần là cái gì trong sự vận hành của xã hội.
Xung đột xã hội	Một hệ thống đặc điểm hóa bởi sự bất bình đẳng xã hội: mọi phần của xã hội được hưởng lợi ích từ một mục nào đó nhiều hơn những người khác; sự bất bình đẳng xã hội dựa trên xung đột khuyến khích xã hội thay đổi.	Xã hội được phân chia như thế nào? Hình mẫu chính của bất bình đẳng xã hội là cái gì? Một hạng mục người cố gắng bảo vệ những đặc quyền như thế nào? Các hạng mục người khác cố gắng cải thiện vị trí xã hội của họ ra sao?
Tương tác biểu trưng	Một tiến trình đang diễn ra của tương tác xã hội trong một khung cảnh cụ thể dựa trên những giao tiếp biểu trưng; mọi sự nhận thức cá nhân về thực tại đều sẵn có và luôn thay đổi.	Xã hội đã trải nghiệm như thế nào? Loài người đã như thế nào trong hình mẫu này sinh tương tác, duy trì và thay đổi các hình mẫu xã hội như thế nào? Cá nhân cố gắng định hình để được nhận thức một cách thực tế bởi người khác như thế nào? Những ứng xử của cá nhân thay đổi như thế nào trong quá trình chuyển từ vị trí này sang vị trí khác?

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Linda L.Lindsey. 1990. "Gender Roles. A Sociological Perspective". Engewood Cliffs, New Jersey.
2. Collins, Randall. 1975. Conflict Sociology. New York: Academic Press.
3. Laws, Judith Long. 1979. The second X : Sex Role and Social Role. New York: Elsevier North Holland.

Lê Phương Thành
Viện Nghiên cứu gia đình và giới